

Số: 32/2025/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây
dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 79/TTr-SXD ngày 10 tháng 9 năm 2025, Công văn số 2043/SXD-HĐXD ngày 06 tháng 10 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 97/BC-STP ngày 08 tháng 9 năm 2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2025.
2. Các quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ru*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XV;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD.HVL. *hvl*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Hoàng

QUY ĐỊNH

về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND)

Ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng được quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 44 và khoản 5 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và quy định tại Điều 11 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Quy định thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 6 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3. Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 3. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư

1. Các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương*) chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành quản lý và thẩm định, phê duyệt dự án đối với các dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư dự án; trừ dự án quy định tại điểm b khoản này.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chủ trì thẩm định, tổng hợp, phê duyệt đối với các dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư.

c) Đối với dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính. Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, người đề nghị thẩm định được lựa chọn trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo một công trình chính của dự án.

2. Các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư hoặc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư: cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (*Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)*) chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

3. Các dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc (*nếu có*) hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực phù hợp với tính chất, nội dung của dự án (*khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc*) làm cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (trừ các dự án do Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định)

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định các dự án thuộc chuyên ngành quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi thẩm định các dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, vốn khác có cấp công trình từ cấp II trở xuống thuộc phạm vi ranh giới các khu công nghiệp, khu kinh tế được giao quản lý.

3. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định các dự án nhóm C có cấp công trình từ cấp III trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

4. Các dự án thuộc trường hợp phải thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ, cơ quan thẩm định gửi hồ sơ thiết kế cơ sở phân công nghệ đến Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định hoặc có ý kiến.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng (trừ các dự án do Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định)

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án chuyên ngành quản lý, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, vốn khác có cấp công trình từ cấp II trở xuống thuộc phạm vi ranh giới các khu công nghiệp, khu kinh tế được giao quản lý.

3. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án nhóm C có cấp công trình từ cấp III trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định thiết kế phòng cháy chữa cháy

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 tổ chức thẩm định thiết kế phòng cháy chữa cháy đối với các công trình thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP khi thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư tại Điều 3 Quy định này thực hiện thẩm định thiết kế phòng cháy chữa cháy của người quyết định đầu tư tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Chương III

QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 7. Quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo thành phần hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 07 ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

a) Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (*nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định*);

b) Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định gửi văn bản đến nơi được lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày.

3. Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

a) Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại Điều 3 Quy định này;

b) Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c của khoản này, trong thời hạn 07 ngày cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản chuyển trả hồ sơ cho người đề nghị thẩm định, nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung hồ sơ, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung, cơ quan chủ trì thẩm định sẽ dừng việc thẩm định và thông báo bằng văn bản. Người đề nghị thẩm định phải thực hiện lại quy trình nộp hồ sơ từ đầu.

5. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định bảo đảm đúng nội dung theo quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

6. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có quyền tạm dừng thẩm định (*không quá 01 lần*) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định về các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 15 ngày thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

7. Kết quả thẩm định phải có đánh giá, kết luận về mức đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định; các yêu cầu đối với người đề nghị thẩm định, người quyết định đầu tư. Kết quả thẩm định được đồng thời gửi cơ quan quản lý xây dựng ở địa phương để biết và quản lý.

Mẫu tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tham khảo theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và bổ sung nội dung chỉnh sửa tiếp thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, mẫu tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tham khảo theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này. Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tham khảo theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

8. Việc xác thực nội dung thẩm định, lưu trữ hồ sơ thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ trình thẩm định sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện được cơ quan chủ trì thẩm định kiểm tra, xác nhận nội dung thẩm định các nội dung đã được thẩm định trên các hồ sơ có liên quan của 01 bộ; đối với dự án lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, chủ đầu tư còn phải đóng dấu phê duyệt theo khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; người đề nghị thẩm định có trách nhiệm lưu trữ theo quy định pháp luật về lưu trữ và đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định khi cần xem xét hồ sơ lưu trữ này. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp bản chụp (*định dạng .PDF*) tài liệu đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định;

b) Khi kết thúc công tác thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản một số tài liệu gồm: Tờ trình thẩm định; các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định; văn bản góp ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; thông báo kết quả thẩm định; các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định tại điểm a khoản này.

9. Thời gian thẩm định: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 8. Quy trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Việc phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 9. Quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 61 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định này.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 và khoản 4 Điều 61 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện như sau:

a) Chủ đầu tư có tờ trình gửi cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, trình người quyết định đầu tư đề nghị chấp thuận chủ trương điều chỉnh.

b) Cơ quan chủ trì thẩm định xem xét nội dung điều chỉnh, lấy ý kiến (nếu cần). Trường hợp nội dung điều chỉnh phù hợp, cơ quan chủ trì thẩm định trình người quyết định đầu tư đề nghị chấp thuận chủ trương điều chỉnh.

c) Người quyết định đầu tư ban hành văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh.

d) Quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện thì

không phải làm thủ tục phê duyệt lại dự án, các công việc tiếp theo được thực hiện theo quy định hiện hành và Quy định này.

2. Các dự án đầu tư xây dựng chưa được phê duyệt thì thực hiện theo quy định hiện hành và Quy định này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ các đơn vị trực thuộc, các chủ đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng đạt hiệu quả.

b) Cùng cố tổ chức, phân công nội bộ, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Quy định này; đồng thời chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung thực hiện của mình.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp thì các sở, ban, ngành, cơ quan, địa phương kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Xây dựng*) để kịp thời sửa đổi, bổ sung theo quy định. /.

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

**MẪU TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTr-....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan...

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:..... (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công)
9. Tiến độ thực hiện dự án:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có): (Thông tin về quy hoạch, diện tích đất, mục đích sử dụng đất...)

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM TỜ TRÌNH

1. Văn bản pháp lý: (liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 175/2025/NĐ-CP)
 2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
 - Thuyết minh báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
 - Thiết kế bản vẽ thi công bao gồm bản vẽ, thuyết minh, dự toán.
 3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
 - Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
 - Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm, chủ trì khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
 - Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).
- (Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)